TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **1287**/2021/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 10 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 1872/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2021, về việc: "Tranh chấp ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Trịnh Ngọc D**, sinh năm 1972.

Trú tại: tổ 6, khu phố 8B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Phương N**, sinh năm 1991.

Trú tại: tổ 6, khu phố 8B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trịnh Ngọc D và bà Trần Thị Phương N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Ngọc D và bà Trần Thị Phương N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Ông Trịnh Ngọc D và bà Trần Thị Phương N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông Trịnh Ngọc D tự nguyện chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm ông Trịnh Ngọc D nộp theo biên lai số 0000326 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ được tính trừ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trịnh Ngọc D số tiền 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đ;
- UBND phường T, TP. B, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Kim Dung